

- Duy trì vững chắc xu thế giảm sinh hàng năm bình quân từ 0,15‰ đến 2‰ để đảm bảo quy mô dân số, cơ cấu dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vào năm 2015.

- Nâng cao chất lượng dân số cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần.

3. Các chỉ tiêu cơ bản đến năm 2015

- Dân số của tỉnh không vượt quá 1.450 nghìn người;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,92%;
- Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên dưới 5%;
- Tỷ lệ số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại đạt 80%;
- Tỷ lệ giới tính khi sinh dưới 110 nam/100 nữ;
- Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức trung bình của cả nước.

II. Nhiệm vụ và các giải pháp

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị, thực hiện hiệu quả việc quản lý Nhà nước đối với công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Lồng ghép chỉ tiêu về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) trong hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị ban hành nghị quyết chuyên đề, đề án, kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh công tác DS-KHHGD giai đoạn 2009 - 2015. Đưa công tác DS-KHHGD thành nội dung quan trọng trong chương trình hoạt động, coi đây là tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của địa phương, đơn vị, của người đứng đầu chính quyền; tiêu chí để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức; là căn cứ để xem xét đề bạt, bổ nhiệm, đề cử vào các chức vụ lãnh đạo của các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội.

Xử lý nghiêm cán bộ, công chức viên chức vi phạm chính sách DS-KHHG. Xây dựng, ban hành hệ thống chính sách DS-KHHGD của tỉnh nhằm cụ thể hóa chính sách của Đảng và Nhà nước phù hợp với địa phương.

2. Tăng cường hiệu quả công tác truyền thông, vận động và giáo dục thay đổi hành vi

Triển khai đồng bộ trên cả diện rộng và chiều sâu các hoạt động truyền thông, vận động và giáo dục thay đổi hành vi nhằm làm chuyển biến sâu sắc về nhận thức, tâm lý, tập quán sinh đẻ trong toàn xã hội; tạo môi trường thuận lợi về chính sách, nguồn lực và dư luận xã hội ủng hộ thực hiện mục tiêu: Mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con; quan tâm đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, nâng cao chất lượng dân số, góp phần ngăn chặn hành vi lựa chọn giới tính thai nhi khi sinh.

Nâng cao chất lượng giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; giới và giới tính cho các đối tượng thanh, thiếu niên trong và ngoài nhà trường. Cung cấp kiến thức, tạo nhận thức và hành vi đúng đắn, xây dựng kỹ năng sống phù hợp cho vị thành niên, thanh niên để đáp ứng yêu cầu của cuộc sống và giữ gìn bản sắc dân tộc.

Hướng dẫn bổ sung đưa nội dung DS-KHHGD vào hương ước, quy ước của làng, xã nhằm tạo dư luận xã hội ủng hộ việc thực hiện KHHGD, ổn định quy mô và nâng cao chất lượng dân số.

3. Tiếp tục kiện toàn, củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức làm công tác DS-KHHGD ở các cấp

UBND các cấp thành lập Ban chỉ đạo công tác DS-KHHGD do lãnh đạo UBND trực tiếp phụ trách.

Kiện toàn bộ máy làm công tác DS-KHHGD các cấp, chú trọng bộ máy cấp cơ sở theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý và chuyên môn cho cán bộ, nhất là cán bộ tuyến cơ sở.

4. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số

Củng cố và phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình (CSSKSS/KHHGD). Đảm bảo tính sẵn có của dịch vụ CSSKSS cơ bản, thiết yếu tại 100% số trạm y tế xã vào năm 2010; dịch vụ CSSKSS toàn diện 100% các bệnh viện đa khoa huyện vào năm 2012. Triển khai các mô hình cung ứng dịch vụ thích hợp với từng địa phương, tập trung vào vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Phát huy hiệu quả các đội cung cấp dịch vụ SKSS/KHHGD lưu động. Thực hiện đa

dạng hóa các biện pháp tránh thai ở cả 2 kênh: Miễn phí và tiếp thị xã hội. Hàng năm tổ chức các chiến dịch tăng cường tuyên truyền vận động lồng ghép dịch vụ SKSS/KHHGD đến vùng đông dân, vùng có mức sinh cao và vùng khó khăn.

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, góp phần nâng cao chất lượng dân số. Đảm bảo 98% phụ nữ có thai được quản lý thai nghén; 98% phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế; 99,5% phụ nữ đẻ do cán bộ y tế đỡ; 98% phụ nữ đẻ được chăm sóc sau sinh. Nâng cao chất lượng và lồng ghép hiệu quả chương trình tiêm chủng mở rộng, duy trì tỷ lệ 99,5% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ; phấn đấu 99,5% phụ nữ có thai được tiêm phòng uốn ván đủ liều và được bổ sung vi chất dinh dưỡng. Khuyến khích việc nghiên cứu và ứng dụng y học cổ truyền trong CSSKSS/KHHGD. Huy động y tế tư nhân và cộng đồng tham gia vào việc chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Nhân rộng mô hình kiểm tra sức khỏe và tư vấn tiền hôn nhân cho vị thành niên, thanh niên từ 15 đến 24 tuổi. Đến năm 2015 có 13/13 huyện, thành, thị và 30% số xã triển khai thực hiện mô hình.

5. Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, dữ liệu về dân cư

Nâng cấp kho dữ liệu dân cư, bổ sung hệ thống máy chủ, máy trạm và mạng tin học; đến năm 2010 tiến hành kết nối và truyền dữ liệu trên Internet bằng đường truyền băng thông rộng giữa kho dữ liệu điện tử của huyện với tỉnh và Trung ương.

6. Đầu tư nguồn lực và xã hội hóa công tác DS-KHHGD

Kinh phí đầu tư cho chương trình DS-KHHGD gồm 3 nguồn: Chương trình mục tiêu của Trung ương, ngân sách của tỉnh và huy động đóng góp cộng đồng, tranh thủ sự viện trợ của quốc tế. Đảm bảo mức đầu tư cho công tác DS-KHHGD đến năm 2010 đạt 10.000 đồng/người/năm. Trong đó: 70% từ ngân sách Trung ương, 30% từ ngân sách tỉnh, huyện, xã và huy động đóng góp cộng đồng, tranh thủ sự viện trợ của Quốc tế.

Hàng năm bố trí ngân sách của tỉnh để thực hiện Nghị quyết 18/1998/NQ-HĐND-KXIV ngày 17 tháng 7 năm 1998 của HĐND tỉnh về một số quy định chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình và hỗ trợ thực hiện các nội dung và hoạt động của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tăng cường xã hội hóa công tác DS-KHHGD nhằm huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia thực hiện chương trình. Huy động sự đóng góp của các cá nhân,

cộng đồng, các tổ chức trong nước và quốc tế hỗ trợ triển khai công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XVI, kỳ họp thứ mười bảy thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2009.

CHỦ TỊCH
Ngô Đức Vượng